

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 07/4/2020.

“V/v: Ly hôn giữa chị H và anh N”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Ông Nguyễn Văn Thi.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 07/4/2020, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GD) thụ lý số: 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/02/2020 về tranh chấp: ***“Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị H, sinh năm 1977;

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn N, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã Kông Bờ La, huyện K, tỉnh G.

Chị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị H và anh Lê Văn N qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (ĐKKH) tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã ĐăkHlơ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 13/01/1994.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, cách sống của mỗi người dẫn đến vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau; anh N không lo làm ăn xây dựng cuộc sống mà hay uống rượu say chửi bới, xúc phạm chị nên vợ chồng thường

xuyên xảy ra xung đột, cãi vã và hiện anh chị đã sống ly thân với nhau đến nay đã được hơn 6 tháng. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về phía anh N, anh thừa nhận trong quá trình chung sống, giữa anh và chị H đã phát sinh một số mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tình tình nhau, khác nhau về suy nghĩ và quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau; chị H thường xuyên đi khỏi nhà, muốn về khi nào thì về nên anh chị đã sống ly thân với nhau đến nay đã hơn 6 tháng. Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng chưa thật sự trầm trọng, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Chị H và anh N có 03 con chung tên Lê Văn N, sinh năm 1994; Lê Thị Lan H, sinh năm 2000 và Lê Thanh T, sinh ngày 31/7/2003. Sau khi ly hôn, do cháu N và cháu H đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Tiên, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động, chị không yêu cầu anh N phải có N vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có quan điểm là cháu T muốn ở với ai thì Tòa án giao cho người đó nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh N tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H và anh N không có nợ chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Lương Thị H-Lê Văn N (*bản chính*), 01 Giấy chứng minh nhân dân (CMND) mang tên Lương Thị H (*bản sao*), 03 Giấy khai sinh mang tên Lê Thanh T, Lê Văn N và Lê Thị Lan H (*đều là bản sao*) và 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Lê Văn N (*bản sao*).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Anh N và chị H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã ĐăkHlơ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 13/01/1994; anh chị có 03 con chung tên Lê Thanh Tiên, sinh ngày 31/7/2003, Lê Văn N, sinh năm 1994 và Lê Thị Lan H, sinh năm 2000. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị H giao nộp là Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Lương Thị H và Lê Văn N (*bản chính*) và 03 Giấy khai sinh mang tên Lê Thanh T, Lê Văn N và Lê Thị Lan H (*đều là bản sao*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Lương Thị H có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Lê Văn N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị H và anh N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã ĐắkHlơ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 13/01/1994 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, cách sống của mỗi người dẫn đến vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau; anh N không lo làm ăn xây dựng cuộc sống mà hay uống rượu say chửi bới, xúc phạm chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã và hiện anh chị đã sống ly thân với nhau đến nay được hơn 6 tháng. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Anh N cũng thừa nhận trong quá trình chung sống, giữa anh và chị H đã phát sinh một số mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, khác nhau về suy nghĩ và quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau; chị H thường xuyên đi khỏi nhà, muốn về khi nào thì về nên anh chị đã sống ly thân với nhau đến nay đã hơn 6 tháng. Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng chưa thật sự trầm trọng, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải, tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ gia đình nhưng anh N chỉ có mặt tại một phiên hòa giải và vắng mặt trong phiên hòa giải còn lại cũng như vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án nên việc động viên, hòa giải cho anh chị không thực hiện được. Do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, điều này được cả anh chị thừa nhận và hiện anh chị cũng đã sống ly thân với nhau nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật HN&GD năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh N.

[3] **Về con chung:** Chị H và anh N có 03 con chung tên Lê Văn Ngọc, sinh năm 1994; Lê Thị Lan Hương, sinh năm 2000 và Lê Thanh Tiên, sinh ngày 31/7/2003. Sau khi ly hôn, do cháu Ngọc và cháu Hương đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử (HĐXX) không xem xét.

Đối với cháu Tiên, anh N có quan điểm là cháu muốn ở với ai thì Tòa án giao cho người đó nuôi dưỡng. Chị H đề nghị được nuôi cháu Tiên cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Tiên thì có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Tiên cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do chị H không yêu cầu nên anh N không phải có N vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tiên.

[4] **Về tài sản chung:** Chị H và anh N tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] **Về nợ chung:** Chị H và anh N không có nợ chung nên cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[6] *Về án phí ly hôn sơ thẩm (LHST)*: Chị H phải chịu theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 93, 94, 143, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị H được ly hôn với anh Lê Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thanh T, sinh ngày 31/7/2003 cho chị H trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do chị H không yêu cầu nên anh N không phải có N vụ cấp dưỡng nuôi cháu T.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và N vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí LHST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003293 ngày 20/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; chị H đã nộp đủ án phí LHST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Gia Lai;
- VKS Kbang;
- THA Kbang;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

CÁC HỘI THẨM ND

THẨM PHÁN-CTPT

Nơi nhận:

THẨM

-TA tỉnh;

TÒA

-VKS KBang;

-THA KBang;

-Các đương sự;

-Lưu HS vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Lê Văn Nguyên

